TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2019
"V/v *tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị L và anh C"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Huề;

2.Ông Nguyễn Công Tụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2019/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn X, xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn***: Anh Trần Văn C sinh năm 1983

ĐKHKTT: Thôn X, xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Hiện đang chấp hành án tại đội XX, phân trại số 2, Trại giam NH

Địa chỉ: Xã TS, huyện B, tỉnh Hà Nam.

(*Tại phiên tòa có mặt chị L, anh C vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn C tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 10/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã QH. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh C. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 5/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có biểu hiện không chung thủy, không quan tâm đến gia đình, vợ, con, ngoài ra anh C còn nghiện ma túy. Tháng 8/2018 anh C bị bắt tạm giam và bị Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Hưng Yên xử phạt 24 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Mai L sinh ngày 18/6/2010 và Trần Duy A sinh ngày 04/02/2017, hiện cả hai con đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Trần Văn C và biên bản lấy lời khai cùng ngày 23/10/2019, anh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như chị Nguyễn Thị L đã trình bày là đúng. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị L đã trình bày. Ly hôn, anh để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi anh chấp hành xong án hình phạt tù anh sẽ có ý kiến về việc nuôi con sau.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn C; giao con chung Trần Thị Mai L sinh ngày 18/6/2010 và Trần Duy A sinh ngày 04/02/2017, cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con

chung; về tài sản chung không đặt ra giải quyết; chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Văn C. Do anh C là bị đơn, trước khi bị bắt tạm giam và chấp hành án hình phạt tù anh C cư trú tại Thôn X, xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C đang chấp hành án tại Trại giam NH và đã có đơn xin xử án vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kết hôn số 25 ngày 10/3/2010 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có biểu hiện không chung thủy, lại nghiện ma túy từ đó không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 8/2018, anh C bị bắt tạm giam và bị Tòa án xử phạt 24 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay, nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị xin ly hôn anh C. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án anh C có quan điểm nhất trí ly hôn với chị L, do anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam NH nên anh không đến Tòa án tham gia tố tụng được, anh C đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và cũng nhất trí ly hôn với chị L. Như vậy, hôn nhân của anh chị thực tế từ lâu chỉ tồn tại về mặt hình thức, anh, chị thực sự không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn C có 02 con chung Trần Thị Mai Lsinh ngày 18/6/2010 – hiện đang học tại trường tiểu học Quỳnh Hoàng và Trần Duy Asinh ngày 04/02/2017, cả hai con đều đang ở với chị L. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Thực tế con chung đang do chị L nuôi dưỡng, anh C lại đang chấp hành án hình phạt tù, cháu Trần Thị Mai Lcó nguyện vọng được ở với mẹ nên để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của các con chung cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con, anh C có quyền, nghĩa vụ trông nom, giáo dục con chung là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn C.

2.Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Trần Thị Mai Lsinh ngày 18/6/2010 và Trần Duy Asinh ngày 04/02/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003987 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã QH, h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)